

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN TRƯỜNG
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:08/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 26-01-2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly
hôn giữa chị T và anh T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Long.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hồng Minh;

Ông Lê Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Cúc-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Đặng Xuân Tự-Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 182/2023/TLST-HNGĐ ngày 27/11/2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/12/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28/12/2023 giữa các đương sự;

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Huyền T, sinh năm 1989; nơi đăng ký hộ khẩu: Căn hộ 117 nhà A, tập thể Bộ nông nghiệp, phố L, phường Đ, quận H, Thành phố Hà Nội; hiện ở: Xóm D, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; có mặt.

- Bị đơn: Anh Phạm Quang T1, sinh năm 1982; nơi đăng ký hộ khẩu: Xóm C, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; hiện ở: Xóm E, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huyền T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh **Phạm Quang T1** tự nguyện tìm hiểu đi đến hôn nhân và đã được **UBND phường Đ, quận H, Tp Hà Nội** đăng ký kết hôn vào ngày 25/09/2012. Sau khi lấy nhau vợ chồng chung sống hạnh phúc và sinh được 03 con. Quá trình chung vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình lối sống không hoà hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng không có sự chia sẻ trong cuộc sống. Từ tháng 9 năm 2023 đến nay vợ chồng đã ly thân không ở với nhau nữa. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm hạnh phúc tan vỡ không thể níu kéo được nên nguyện vọng của chị được xin ly hôn anh **Phạm Quang T1**.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên là **Phạm Gia B**, sinh ngày 29/06/2013; **Phạm Nhật M**, sinh ngày 05/9/2016 và **Phạm Đăng K**, sinh ngày 21/8/2018. Khi ly hôn chị xin nhận nuôi con **Phạm Đăng K**, còn để anh **T1** nuôi 02 con là **Phạm Gia B** và **Phạm Nhật M**, hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con; hiện 3 con đang ở với anh **T1**.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

*Theo bị đơn anh **Phạm Quang T1** trình bày:* Chị **T** trình bày về việc kết hôn cũng như mâu thuẫn vợ chồng là đúng. Sau khi lấy nhau vợ chồng chung sống hạnh phúc và sinh được 03 con. Thời gian đầu vợ chồng anh làm ăn ở trên Hà Nội. Đầu năm 2021 cả hai vợ chồng không làm ở Hà Nội nữa mà về quê để làm, anh thuê đất mở trang trại tại **xã X** quê vợ. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình lối sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng không có sự chia sẻ trong cuộc sống. Anh xác định vợ chồng vẫn còn tình cảm chưa đến mức phải ly hôn, anh mong muốn chị **T** suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái. Trường hợp mà chị **T** quyết tâm xin ly hôn thì anh đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết.

Về con chung; Vợ chồng có 3 con chung như chị **T** trình bày là đúng, khi ly hôn anh xin nhận nuôi cả 03 con và không yêu cầu chị **T** phải cấp dưỡng nuôi con, hiện anh đang làm trang trại chăn nuôi dê, mức thu nhập bình quân khoảng 30.000.000đ/tháng.

Về tài sản; Anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

*Kết quả thu thập chứng cứ tại **UBND xã X**.*

Anh **Phạm Quang T1** là người có hộ khẩu tại **xã X, huyện X, tỉnh Nam Định**.

* Về quan hệ hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị Huyền T** và anh **Phạm Quang T1** tự nguyện tìm hiểu đi đến hôn nhân đã được **Ủy ban nhân dân phường Đ, quận H, Tp Hà Nội** đăng ký kết hôn vào ngày 25/12/2012. Thực tế chị **T** và anh **T1**

sau khi lấy nhau thì sống ở Hà Nội không sống ở quê, mấy năm gần đây anh T1 và chị T lại sống ở xã X, khi có công việc thì anh chị về nhà anh T1 ở xóm C, xã X, địa phương nghe dư luận thì chị T và anh T1 mâu thuẫn do tính tình lối sống không hoà hợp, bất đồng quan điểm. Nay chị T xin ly hôn, anh T1 không nhất trí, căn cứ vào lời trình bày của chị T và anh T1 cũng như thực trạng hôn nhân của các bên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn giữa chị T và anh T1.

* Về con chung: Chị T và anh T1 có 3 con chung là Phạm Gia B, sinh ngày 29/06/2013; Phạm Nhật M, sinh ngày 05/9/2016 và Phạm Đăng K, sinh ngày 21/8/2018. Khi ly hôn chị T xin nuôi con Phạm Đăng K, để anh T1 nuôi 2 con Phạm Gia B và Phạm Nhật M. Anh T1 thì xin nhận nuôi cả 3 con, hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ vào điều kinh tế và khả năng chăm sóc, giáo dục con giữa các bên, đề nghị Tòa án giao cho chị T nuôi con Phạm Đăng K, giao cho anh T1 nuôi 2 con Phạm Gia B1 và Phạm Nhật M, hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

* Về tài sản: Chị T và anh T1 không có tài sản ở địa phương, còn có tài sản ở đâu địa phương không nắm được, các bên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết về tài sản là quyền của các bên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, các đương sự tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành theo quy định của pháp luật, còn bị đơn không chấp hành theo quy định của pháp luật.

Nội dung: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình: Đề nghị Hội đồng xét xử, xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Huyền T và anh Phạm Quang T1.

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Huyền T trực tiếp chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con Phạm Đăng K1, sinh ngày 21/8/2018. Giao cho anh Phạm Quang T1 tiếp tục trực tiếp chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng 02 con Phạm Gia B, sinh ngày 29/06/2013; Phạm Nhật M, sinh ngày 5/9/2016. Hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại

phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành theo quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Huyền T và anh Phạm Quang T1 đến với nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn hợp pháp. Sau khi lấy nhau vợ chồng chung sống hạnh phúc và sinh được 03 con, quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình lối sống không hoà hợp, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2023 đến nay. Chị Nguyễn Thị Huyền T xin ly hôn anh Phạm Quang T1 không nhất trí, nhưng anh T1 không đưa ra được giải pháp nào để nhằm hàn gắn hạnh phúc vợ chồng, điều đó chứng tỏ vợ chồng không còn tình cảm, hạnh phúc đã tan vỡ. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị T và anh T1 là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài chị T xin ly hôn anh T1 là phù hợp, vì vậy HĐXX sẽ chấp nhận yêu cầu của chị T là xử cho ly hôn đối với anh Phạm Quang T1 theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị T và anh T1 có 03 con chung là Phạm Gia B, sinh ngày 29/06/2013; Phạm Nhật M, sinh ngày 5/9/2016 và Phạm Đăng K, sinh ngày 21/8/2018. Khi ly hôn chị T xin nhận nuôi con Phạm Đăng K, còn để anh T1 nuôi 02 con Phạm Gia B và Phạm Nhật M; hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T1 xin nhận nuôi cả 03 con không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con. Để đảm bảo điều kiện cho các cháu được phát triển tốt về thể chất và tinh thần cũng như khả năng chăm sóc của các bên, nguyện vọng của các cháu. Đối với cháu Đăng K còn nhỏ cần có sự chăm sóc của người mẹ hơn, cháu Giao B1 và cháu Nhật M có nguyện vọng ở với anh T1. Căn cứ vào tình hình thực tế vì vậy HĐXX sẽ giao cho chị T trực tiếp chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con Phạm Đăng K, giao cho anh T1 tiếp tục trực tiếp chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng 02 con Phạm Gia B1 và Phạm Nhật M, hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với thực tế và theo quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản: Chị T và anh T1 không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết là phù hợp

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý về sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị Huyền T và anh Phạm Quang T1.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Huyền T trực tiếp chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con Phạm Đăng K, sinh ngày 21/8/2018. Giao cho anh Phạm Quang T1 tiếp tục trực tiếp chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng 02 con Phạm Gia B, sinh ngày 29/06/2013 và Phạm Nhật M, sinh ngày 5/9/2016. Hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở. Buộc anh T1 có trách nhiệm giao cháu Phạm Đăng K cho chị T nuôi dưỡng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Về tài sản: Chị T và anh T1 không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Huyền T phải nộp án phí ly hôn là 300.000đ được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0000021 ngày 27/11/2023 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định; chị Nguyễn Thị Huyền T đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh: 01 bản;
- VKSND tỉnh + huyện: 02 bản;
- Chi cục THADS huyện: 01 bản;
- UBND xã X: 01 bản;
- UBND phường Đ : 01 bản ;
- Các đương sự : 02 bản;
- Lưu hồ sơ: 02 bản;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Ngọc Long

